

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **86P** /BT-TT-CATT

V/v đơn đốc công tác xác định
cấp độ an toàn hệ thống thông tin

Hà Nội, ngày **05** tháng **10** năm 2021

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông (TT&TT) được quy định tại Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ, Bộ TT&TT đơn đốc công tác xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin.

Ngày 24/9/2020, Bộ TT&TT có Công văn số 3679/BTTTT-CATT gửi Quý Đơn vị về việc đơn đốc công tác xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, công tác xác định và phê duyệt cấp độ chưa được triển khai theo kế hoạch đề ra, cụ thể: Về chế độ báo cáo có 14/30 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, 15/63 địa phương chưa tuân thủ; Về công tác xác định cấp độ có 29/30 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, 28/63 địa phương chưa hoàn hành theo kế hoạch (Báo cáo kết quả thực hiện gửi kèm theo).

Để hoàn thành công tác xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin theo đề nghị của Bộ TT&TT tại Công văn số 3679/BTTTT-CATT, Bộ TT&TT đề nghị Quý Đơn vị:

- Chỉ đạo đơn vị vận hành hệ thống thông tin lập hồ sơ đề xuất cấp độ; Tổ chức thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 20 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

- Báo cáo công tác thực thi xác định cấp độ theo mẫu gửi kèm theo, gửi về Bộ TT&TT trước ngày **31/10/2021**.

Thông tin liên hệ: Bà Lê Thị Quỳnh Trang, Cục An toàn thông tin, số điện thoại: 0919247397, địa chỉ thư điện tử: lqtrang@mic.gov.vn.

Bộ Thông tin và Truyền thông cảm ơn sự phối hợp, hợp tác của Quý Đơn vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng;
- Lưu: VT, CATT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Huy Dũng

KẾT QUẢ BÁO CÁO CÔNG TÁC THỰC THI
XÁC ĐỊNH CẤP ĐỘ CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG ĐẾN QUÝ III NĂM 2021
(Kèm theo Công văn số 3868/BTTTT-CATTT ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Đơn vị	Tuân thủ báo cáo	Cấp độ 1			Cấp độ 2			Cấp độ 3			Cấp độ 4			Cấp độ 5		
			Tổng số HTTT	Quý 3	Dự kiến Quý 4	Tổng số HTTT	Quý 3	Dự kiến Quý 4	Tổng số HTTT	Quý 3	Dự kiến Quý 4	Tổng số HTTT	Quý 3	Dự kiến Quý 4	Tổng số HTTT	Quý 3	Dự kiến Quý 4
	Bộ, ngành																
1	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	667 /BHXH-CNTT	1	0 (%)	1	13	7 (53%)	3	8	7 (88%)	1	4	0 (%)	0	0	0 (%)	0
2	Bộ Công thương	Chưa tuân thủ	0	0 (%)	0	2	2 (100%)	0	3	3 (100%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chưa tuân thủ	6	5 (83%)	1	23	14 (60%)	9	8	0 (%)	8	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
4	Bộ Giao thông vận tải	Chưa tuân thủ	0	0 (%)	0	2	2 (100%)	0	10	7 (70%)	3	2	2 (100%)	0	0	0 (%)	0
5	Bộ Khoa học và Công nghệ	89/BKHCN-TTCT	3	2 (67%)	0	13	4 (31%)	1	7	1 (15%)	6	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
6	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Chưa tuân thủ	0	0 (%)	0	37	37 (100%)	0	6	5 (84%)	1	2	2 (100%)	0	0	0 (%)	0
7	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	95/TTTT-HT	0	0 (%)	0	9	0 (%)	9	6	0 (%)	6	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
8	Bộ Ngoại giao	07/TTTT	1	0 (%)	1	13	0 (%)	13	2	2 (100%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
9	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chưa tuân thủ	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	6	0 (%)	6	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
10	Bộ Nội vụ	Chưa tuân thủ	0	0 (%)	0	9	0 (%)	9	4	0 (%)	4	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
11	Bộ Tài chính	329/THTK-ATTT	1	0 (%)	0	30	13 (44%)	17	70	26 (38%)	42	10	3 (30%)	6	0	0 (%)	0
12	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chưa tuân thủ	22	0 (%)	0	22	2 (9%)	1	20	4 (20%)	15	4	0 (%)	4	1	0 (%)	1
13	Bộ Tư pháp	Chưa tuân thủ	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	34	24 (70%)	10	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
14	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Không có số Công văn	48	0 (%)	48	31	0 (%)	31	10	0 (%)	10	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0

15	Bộ Y tế	Chưa tuân thủ	42	0 (%)	0	97	2 (2%)	0	37	8 (21%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
16	Đài Truyền hình Việt Nam	83/THCN-QTM	0	0 (%)	0	5	5 (100%)	0	6	1 (17%)	5	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
17	Ngân hàng Nhà nước	622/CNTT8	0	0 (%)	0	8	7 (88%)	1	16	12 (75%)	4	1	1 (100%)	0	1	1 (100%)	0
18	Thanh tra Chính phủ	60/TTTT-KTCN	0	0 (%)	0	4	0 (%)	4	1	0 (%)	1	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
19	Thông tấn xã Việt Nam	Không có số Công văn	0	0 (%)	0	2	0 (%)	2	2	0 (%)	2	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
20	Ủy ban Dân tộc	Chưa tuân thủ	0	0 (%)	0	5	0 (%)	0	2	0 (%)	0	1	0 (%)	0	0	0 (%)	0
21	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	Chưa tuân thủ	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
22	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	130/THIT	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
23	Đài Tiếng nói Việt Nam	Chưa tuân thủ	0	0 (%)	0	7	7 (100%)	0	2	2 (100%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
24	Văn phòng Chính phủ	211/THIT-ATANTT	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	3	0 (%)	3	9	0 (%)	9	2	0 (%)	2
25	Ban quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	Chưa tuân thủ	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
26	Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp	Chưa tuân thủ	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
27	Bộ Xây dựng	71/TTTT	28	0 (%)	1	7	0 (%)	7	1	0 (%)	1	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
28	Bộ Quốc phòng	1161/BTL-AT	0	0 (%)	0	1	0 (%)	1	2	0 (%)	2	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
29	Bộ Công an	584/H05-P5	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
	Địa phương																
1	Sở TTTT An Giang	Chưa tuân thủ	5	0 (%)	0	26	26 (100%)	2	1	0 (%)	1	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
2	Sở TTTT Bắc Giang	543/STTTT-CNTT	9	0 (%)	0	52	0 (%)	2	5	0 (%)	6	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0

3	Sở TTTT Bà Rịa Vũng Tàu	Chưa tuân thủ	0	0 (%)	0	18	0 (%)	20	3	0 (%)	4	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
4	Sở TTTT Bạc Liêu	Chưa tuân thủ	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
5	Sở TTTT Bắc Kạn	Chưa tuân thủ	0	0 (%)	0	10	7 (70%)	1	1	0 (%)	3	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
6	Sở TTTT Bắc Ninh	241/STTTT- CNTT	0	0 (%)	0	14	0 (%)	15	10	10 (60%)	3	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
7	Sở TTTT Bến Tre	658/STTTT- CNTT	1	0 (%)	0	4	0 (%)	4	5	0(%)	6	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
8	Sở TTTT Bình Định	40/BC-STTTT	0	0 (%)	0	8	3 (38%)	6	1	1 (100%)	1	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
9	Sở TTTT Bình Dương	377/STTTT- CNTT	0	0 (%)	0	25	0 (%)	0	3	0 (%)	3	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
10	Sở TTTT Bình Phước	366/STTTT- BCVTCNTT	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	10	0 (%)	10	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
11	Sở TTTT Bình Thuận	322 /STTTT- BCVT&CNTT	3	3 (100%)	0	2	2 (100%)	0	3	3 (100%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
12	Sở TTTT Cà Mau	478/STTTT- CNTTBCVT	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	6	0 (%)	6	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
13	Sở TTTT Cần Thơ	675 /BC-STTTT	0	0 (%)	0	49	33 (67%)	0	5	5 (100%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
14	Sở TTTT Cao Bằng	373/STTTT- BCVTCNTT	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	4	0 (%)	4	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
15	Sở TTTT Đà Nẵng	926/STTTT- CNTT	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	25	16 (64%)	17	7	7 (100%)	0	0	0 (%)	0
16	Sở TTTT Đắk Lắk	625/STTTT- CNTT	0	0 (%)	0	66	0 (%)	2	5	4 (80%)	1	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0

17	Sở TTTT Đắk Nông	71/STTTT-CNTT	0	0 (%)	0	45	0 (%)	46	2	0 (%)	2	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
18	Sở TTTT Điện Biên	Chưa tuân thủ	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	6	0 (%)	7	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
19	Sở TTTT Đồng Nai	Chưa tuân thủ	14	0 (%)	0	20	0 (%)	3	11	0 (%)	10	1	0 (%)	1	0	0 (%)	0
20	Sở TTTT Đồng Tháp	339/STTTT-CNTT	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	7	0 (%)	7	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
21	Sở TTTT Gia Lai	568/STTTT-CNTT	0	0 (%)	0	37	37 (100%)	2	6	6 (100%)	6	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
22	Sở TTTT Hà Giang	327/STTTT-CNTT	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	9	0 (%)	6	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
23	Sở TTTT Hà Nam	346/STTTT-BCVTCNTT	0	0 (%)	0	1	0 (%)	1	7	1 (14.2%)	7	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
24	Sở TTTT Hà Nội	892 /STTTT-CNTT	4	0 (%)	0	68	0 (%)	1	4	0(%)	0	1	0 (%)	1	0	0 (%)	0
25	Sở TTTT Hà Tĩnh	56/STTTT-BT	69	0 (%)	67	16	0 (%)	16	7	0 (%)	6	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
26	Sở TTTT Hải Dương	Chưa tuân thủ	0	0 (%)	0	0	0 (%)	3	0	0 (%)	5	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
27	Sở TTTT Hải Phòng	Chưa tuân thủ	5	1 (20%)	0	7	7 (100%)	0	10	1 (10%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
28	Sở TTTT Hậu Giang	Chưa tuân thủ	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	7	0 (%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
29	Sở TTTT Hồ Chí Minh	Chưa tuân thủ	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	3	0 (%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
30	Sở TTTT Hòa Bình	Không có số công văn	0	0 (%)	0	68	0 (%)	10	10	4 (40%)	6	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
31	Sở TTTT Hưng Yên	Chưa tuân thủ	0	0 (%)	0	4	0 (%)	5	30	0 (%)	28	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
32	Sở TTTT Khánh	852/STTTT-	18	4	0	11	1	1	1	0	1	0	0	0	0	0	0

	Hòa	CNTT		(22%)			(9%)			(%)			(%)			(%)	
33	Sở TTTT Kiên Giang	71/BC-STTTT	0	0 (%)	0	6	0 (%)	0	2	0 (%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
34	Sở TTTT Kon Tum	603/STTTT-CNTT	0	0 (%)	0	30	20 (87%)	0	4	50 (%)	4	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
35	Sở TTTT Lai Châu	535/BC-STTTT	9	11 (%)	9	13	0 (%)	11	1	0 (%)	1	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
36	Sở TTTT Lâm Đồng	621/STTTT-CNTT	0	0 (%)	0	11	0 (%)	11	20	10 (10%)	18	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
37	Sở TTTT Lạng Sơn	850/BC-STTTT	321	0 (%)	0	33	0 (%)	0	6	0 (%)	6	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
38	Sở TTTT Lào Cai	409/STTTT-BCVTCNTT	0	0 (%)	0	356	24 (6%)	1	13	1 (7%)	11	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
39	Sở TTTT Long An	621/STTTT-CNTT	1	0 (%)	0	2	0 (%)	2	1	1 (100%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
40	Sở TTTT Nam Định	254/STTTT-CNTT	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	1	1 (100%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
41	Sở TTTT Nghệ An	534/STT&TT-CNTT	0	0 (%)	0	41	0 (%)	1	7	1 (14%)	4	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
42	Sở TTTT Ninh Bình	Chưa tuân thủ	26	0 (%)	0	2	0 (%)	0	4	0 (%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
43	Sở TTTT Ninh Thuận	808/STTTT-ITCNTT	0	0 (%)	0	26	26 (100%)	4	1	1 (100%)	6	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
44	Sở TTTT Phú Thọ	25/STTTT-CNTT	0	0 (%)	0	3	3 (100%)	2	6	3 (50%)	4	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
45	Sở TTTT Phú Yên	Chưa tuân thủ	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
46	Sở TTTT Quảng Bình	340/STTTT-ITCNTT	0	0 (%)	0	7	0 (%)	7	4	0 (%)	4	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
47	Sở TTTT Quảng Nam	Chưa tuân thủ	0	0 (%)	0	3	0 (%)	3	2	0 (%)	2	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
48	Sở TTTT Quảng Ngãi	384/STTTT	0	0 (%)	0	36	0 (%)	11	2	2 (100%)	0	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
49	Sở TTTT Quảng Ninh	1034/STTTT-CNTT	0	0 (%)	0	3	0 (%)	4	24	20 (84%)	2	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
50	Sở TTTT Quảng Trị	505/STTTT-CNTT	2	2 (100%)	0	15	6 (40%)	11	5	0 (%)	5	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
51	Sở TTTT Sóc Trăng	609/STTTT-CNTT	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0	7	6 (86%)	1	0	0 (%)	0	0	0 (%)	0
52	Sở TTTT Sơn La	167/BC-STTTT	0	0	0	32	25	1	9	1	8	0	0	0	0	0	0

				(%)				(78%)		(11%)		(%)		(%)
53	Sở TTTT Tây Ninh	Chưa tuân thủ	0	0 (%)	0	0	0	0 (%)	1	1 (100%)	0	0 (%)	0	0 (%)
54	Sở TTTT Thái Bình	Chưa tuân thủ	0	0 (%)	0	18	0	0 (%)	5	60% (60%)	0	0 (%)	0	0 (%)
55	Sở TTTT Thái Nguyên	728/STTTT-CNTT	0	0 (%)	0	27	6	22% (22%)	6	83% (83%)	1	0 (%)	0	0 (%)
56	Sở TTTT Thanh Hóa	759/STTTT-CNTT	0	0 (%)	0	46	33	72% (72%)	18	17% (17%)	15	0 (%)	0	0 (%)
57	Sở TTTT Thừa Thiên Huế	735/STTTT-JOC	0	0 (%)	0	0	0	0 (%)	11	8 (27%)	3	0 (%)	0	0 (%)
58	Sở TTTT Tiền Giang	186/QĐ-UBND	0	0 (%)	0	0	0	0 (%)	3	3 (100%)	0	0 (%)	0	0 (%)
59	Sở TTTT Trà Vinh	855/STTTT-BCV/CNTT	25	1 (4%)	1	3	0	0 (%)	3	1 (100%)	0	0 (%)	0	0 (%)
60	Sở TTTT Tuyên Quang	360/STTTT-CNTT	0	0 (%)	0	2	1	50% (50%)	1	1 (100%)	0	0 (%)	0	0 (%)
61	Sở TTTT Vĩnh Long	506/STTTT-CNTT	23	23 (100%)	0	3	3	100% (100%)	4	2 (50%)	3	0 (%)	0	0 (%)
62	Sở TTTT Vĩnh Phúc	430/STTTT-TTHTTT	28	0 (%)	0	17	0	0 (%)	6	6 (100%)	0	0 (%)	0	0 (%)
63	Sở TTTT Yên Bái	525/STTTT-CNTT	0	0 (%)	0	0	0	0 (%)	4	1 (25%)	3	0 (%)	0	0 (%)